

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020



**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2-4
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	5-7
<b>Báo cáo Tài chính</b>	
Bảng cân đối kế toán	8 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 33

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần PIV (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần PIV được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102636059 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 01 năm 2008, thay đổi lần thứ 23 vào ngày 25 tháng 12 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 11/18/199, đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Trương Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT	
Bà Nhữ Thị Kim Thu	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Bằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/05/2020
Ông Triệu Văn Hợi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/05/2020

### **BAN GIÁM ĐỐC**

**Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Đỗ Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm tháng 7/2020
--------------	---------------	-----------------------

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần PIV đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG CỔ PHẦN PIV**

Số 11/18/199, đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

---

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

**TM. Hội đồng quản trị**  
**Chủ tịch**



**Trương Tuấn Anh**



Số : 234/BCKT-TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**  
**của Công ty Cổ phần PIV**

**Kính gửi :**      **Quý Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần PIV**

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần PIV được lập ngày 29 tháng 03 năm 2021 gồm : Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày từ trang 08 đến trang 33 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trong năm 2020 Công ty không phát sinh Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 13 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tổng số thuế phải nộp tại thời điểm 31/12/2020 là 6.734.398.623 đồng. Đây là các khoản thuế đã tồn tại từ những năm trước mà Công ty chưa có khả năng về tài chính để thực hiện nghĩa vụ nộp cho Ngân sách Nhà nước.

Trong năm, Công ty phát sinh khoản vay ngắn hạn với Ông Ngô Tiến Cương- Chủ tịch HĐQT Công ty CP BOT cầu Thái Hà theo hợp đồng vay số 01/HĐVT/PIV-NTC ngày 7/4/2020, số tiền vay: 24.000.000.000 đồng, lãi suất 0%. Số tiền trên Công ty đã dùng để ứng trước cho Nhà cung cấp theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 27/03/2020/HĐMB-PIV-AP ngày 27/3/2020. Toàn bộ số hàng hóa trên sẽ được bán cho Công ty TNHH Tiến Đại Phát (đại diện pháp luật là Ông Ngô Tiến Cương) theo hợp đồng kinh tế số 0303-2020/PIV-TĐP ngày 3/3/2020. Do bản chất của giao dịch là giao dịch giữa các bên liên quan, chúng tôi không có đủ cơ sở để đưa ra ý kiến của mình về giao dịch này.

Báo cáo tài chính của Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty CP BOT cầu Thái Hà với số tiền 156.601.280.000 đồng, tương đương 4.365.000 cổ phần, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty. Theo Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty CP BOT cầu Thái Hà, số lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31/12/2020 là 193.150.770.885 đồng. Tại thời điểm 31/12/2020 đơn vị chưa thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư này. Theo ước tính của chúng tôi, giá trị khoản dự phòng này là 17.383.569.380 đồng. Chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về hiệu quả của khoản đầu tư vào Công ty CP BOT cầu Thái Hà cũng như đánh giá về việc suy giảm giá trị cổ phiếu trong tương lai của việc đầu tư này.

### **Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác. Theo đó, kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến trên cơ sở:

- Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 2.000.000 cổ phần với trị giá 48 tỷ đồng của Công ty CP Trường Lưu Thủy và chuyển nhượng số cổ phần trị giá 10,2 tỷ của Công ty TNHH sản xuất kinh doanh thiết bị Toàn Phát cho các cá nhân. Kiểm toán không thu thập được bằng chứng về giá trị hợp lý của các giao dịch này.

- Năm 2019, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác ngoài khoản đầu tư vào công ty CP BOT cầu Thái Hà. Báo cáo tài chính năm 2019 của BOT lỗ 169 tỷ đồng.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Chi Thành**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
Số: 0647-2018-133-1

**Kiểm toán viên**

**Hoàng Thị Khánh Vân**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
Số 0371 – 2018 – 133 - 1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>25.574.443.102</b>	<b>2.109.377.601</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>413.237.342</b>	<b>1.552.269.160</b>
111	I. Tiền		413.237.342	1.552.269.160
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>24.979.715.400</b>	<b>376.313.535</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	2.905.670.331	2.905.670.331
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	25.585.142.935	748.620.535
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	27.693.000	27.693.000
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	7	(3.538.790.866)	(3.305.670.331)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>181.490.360</b>	<b>180.794.906</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8.a	-	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		181.490.360	180.794.906
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13.b	-	-
<b>200</b>	<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>157.923.893.884</b>	<b>158.706.722.538</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.322.226.359</b>	<b>2.100.684.213</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.322.226.359	2.100.684.213
222	- Nguyên giá		5.672.635.204	5.672.635.204
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4.350.408.845)	(3.571.950.991)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		31.284.600	31.284.600
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(31.284.600)	(31.284.600)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	-
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>156.601.280.000</b>	<b>156.601.280.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		156.601.280.000	156.601.280.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>387.525</b>	<b>4.758.325</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8.b	387.525	4.758.325
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>183.498.336.986</b>	<b>160.816.100.139</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>30.955.757.599</b>	<b>6.895.203.350</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>30.955.757.599</b>	<b>6.895.203.350</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		-	-
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	6.734.398.623	6.734.398.623
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	14.a	175.721.238	115.166.989
320	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	24.000.000.000	-
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		45.637.738	45.637.738
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>400</b>	<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>152.542.579.387</b>	<b>153.920.896.789</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>152.542.579.387</b>	<b>153.920.896.789</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		173.249.420.000	173.249.420.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		173.249.420.000	173.249.420.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(261.600.000)	(261.600.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		443.972.144	443.972.144
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		35.157.200	35.157.200
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(20.924.369.957)	(19.546.052.555)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		(19.546.052.555)	(15.221.987.499)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(1.378.317.402)	(4.324.065.056)
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>183.498.336.986</b>	<b>160.816.100.139</b>

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Lê Thị Thanh Nga

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Trương Tuấn Anh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		-	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)		-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	268.631	71.191
22	7. Chi phí tài chính	18	-	6.690.384
24	8. Chi phí bán hàng	21.a	-	(45.396.285)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.b	1.378.586.033	4.198.044.527
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		(1.378.317.402)	(4.159.267.435)
31	11. Thu nhập khác	19	-	20.885
32	12. Chi phí khác	20	-	164.818.506
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		-	(164.797.621)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		(1.378.317.402)	(4.324.065.056)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		(1.378.317.402)	(4.324.065.056)
	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	(80)	(250)

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Lê Thị Thanh Nga

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Trương Tuấn Anh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Phương pháp trực tiếp

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		13.367.326.662
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(24.836.522.400)	11.077.304.849
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(244.512.248)	(489.617.446)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		3.468.132.475
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(58.265.801)	(9.125.213.741)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(25.139.300.449)</b>	<b>18.297.932.799</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(132.746.280.000)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		115.800.828.850
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.421	71.191
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>21.421</b>	<b>(16.945.379.959)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	24.000.000.000	1.046.328.460
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.046.328.460)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(1.139.279.028)</b>	<b>1.352.552.840</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.552.269.160</b>	<b>199.716.320</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	247.210	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>413.237.342</b>	<b>1.552.269.160</b>

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Lê Thị Thanh Nga

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Trương Tuấn Anh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020*

*(Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PIV được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102636059 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 01 năm 2008, thay đổi lần thứ 23 vào ngày 25 tháng 12 năm 2018.

**Trụ sở chính của Công ty tại:** Số 11/18/199, đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là : 173.249.420.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba tỷ, hai trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng./.). Tương đương với 17.324.942 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần.

Số cán bộ công nhân viên: 08 nhân viên.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất và dịch vụ

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Cung cấp vật liệu, thiết bị trong lĩnh vực xây dựng, thi công các công trình xây dựng, kinh doanh các thiết bị y tế (chính);
- Dịch vụ thẩm định giá;
- Dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản trong phạm vi sau đây: môi giới, tư vấn, đấu giá, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản, đấu giá tài sản;
- Tư vấn cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp và mua bán sáp nhập doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Tư vấn cung cấp thông tin kinh tế, thị trường (không bao gồm dịch vụ điều tra và cung cấp thông tin Nhà Nước cấm);
- Tư vấn đấu thầu (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Tư vấn cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế);

- Sản xuất phim quảng cáo, tiếp thị quảng cáo, quảng cáo thiếp thị đa phương tiện (truyền hình, internet, ấn phẩm báo chí, phát thanh trực tiếp, không bao gồm sản xuất phim);
- Dịch vụ tổ chức tài trợ, tổ chức sự kiện về vấn đề kinh tế, xã hội, thể thao, giải trí, truyền hình;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán, lắp đặt các thiết bị phục vụ hệ thống;
- Mua bán, lắp đặt các thiết bị phục vụ hệ thống thông tin, viễn thông truyền hình;
- Sản xuất, cung cấp, lắp đặt, kinh doanh các thiết bị, sản phẩm nội ngoại thất dùng cho toà nhà văn phòng, chung cư, khách sạn, nhà hàng;
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phao, phao cứu sinh, lều, bạt, vải các loại, hàng dệt may;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, các công trình hạ tầng đô thị và các khu dân cư;
- Bán buôn tổng hợp: hoá chất, phụ gia xây dựng và vật liệu xây dựng;
- Vận tải đường bộ và vận tải đường ống;
- Dịch vụ kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Đại lý cung cấp các dịch vụ viễn thông;
- Xây lắp các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; vật liệu xây dựng, thang máy

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC..

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **2.3. Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2.5. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.7. Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo Thông tư 147/2016/BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài Chính.

- Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
- Máy móc thiết bị	7 – 20 năm
- Nhà cửa vật kiến trúc	5 – 50 năm
- Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
- Phần mềm máy tính	3 – 5 năm

**2.8. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



### **2.9. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### **2.10. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **2.11. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **2.12. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### **2.13. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **2.14. Doanh thu**

##### *Doanh thu bán hàng*

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **2.15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

#### **2.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020, theo đó doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ sẽ được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp.

#### **2.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

#### **2.18. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### ***2.19. Thông tin bộ phận***

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

3. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	383.445.304	1.518.683.552
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.249.303	9.155.477
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (VND)	20.542.735	24.430.131
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ngoại tệ)	9.249.303	9.155.477
<b>Cộng</b>	<b>413.237.342</b>	<b>1.552.269.160</b>

  

4. Phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.905.670.331</b>	<b>2.905.670.331</b>
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Phú Xuân	1.686.450.000	1.686.450.000
Công ty CP đầu tư và XNK Bình Minh	1.219.220.331	1.219.220.331
<b>Cộng</b>	<b>2.905.670.331</b>	<b>2.905.670.331</b>

  

5. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>25.585.142.935</b>	<b>748.620.535</b>
Công ty CP DV đường cao tốc Việt Nam	400.000.000	400.000.000
Công ty cổ phần Trung Tín	233.120.535	233.120.535
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ quản lý An Phú (*)	24.806.522.400	-
Các đối tượng khác	145.500.000	115.500.000
<b>Cộng</b>	<b>25.585.142.935</b>	<b>748.620.535</b>

Khoản ứng trước theo hợp đồng kinh tế số 27/03/2020/HĐMB-PIV-AP ngày 27/3/2020 và phụ lục gia hạn thời hạn giao hàng số 01-2020/PLHĐ/PIV-AP ngày 25/11/2020. Giá trị hợp đồng: 26.840.181.500 đồng. Theo hợp đồng, PIV sẽ ứng trước 92-93% giá trị hợp đồng sau 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn giao hàng đến ngày 31/03/2021.

**6. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	-	-	-	-
Phải thu khác	27.693.000	-	27.693.000	-
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>27.693.000</i>		<i>27.693.000</i>	
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>27.693.000</b>		<b>27.693.000</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Số 11/18/199, đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**7. Nợ xấu**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	3.538.790.866	-	3.305.670.331	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Phú Xuân	1.686.450.000	-	1.686.450.000	-
Công ty CP đầu tư và XNK Bình Minh	1.219.220.331	-	1.219.220.331	-
Công ty CP DV đường cao tốc Việt Nam	400.000.000	-	400.000.000	-
Công ty cổ phần Trung Tín	233.120.535	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.538.790.866</b>	<b>-</b>	<b>3.305.670.331</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước**

Số cuối năm

Số đầu năm

**a. Ngắn hạn****b. Dài hạn**

- Chi phí khác

**Cộng**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	-	-
b. Dài hạn	387.525	4.758.325
- Chi phí khác	387.525	4.758.325
<b>Cộng</b>	<b>387.525</b>	<b>4.758.325</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Số 11/18/199, đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số đầu năm</b>		3.636.363.636	1.672.363.636	363.907.932	5.672.635.204
- Mua trong năm					
- Đầu tư hoàn thành					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
<b>Số cuối năm</b>	-	3.636.363.636	1.672.363.636	363.907.932	5.672.635.204
<b>Giá trị hao mòn</b>					
<b>Số đầu năm</b>		2.207.792.242	1.026.531.213	337.627.536	3.571.950.991
- Khấu hao trong năm		519.480.528	238.909.080	20.068.246	778.457.854
- Phân loại lại					
- Thanh lý nhượng bán					
- Giảm khác					
<b>Số cuối năm</b>	-	2.727.272.770	1.265.440.293	357.695.782	4.350.408.845
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	-	1.428.571.394	645.832.423	26.280.396	2.100.684.213
<b>Tại ngày cuối năm</b>	-	909.090.866	406.923.343	6.212.150	1.322.226.359

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang thế chấp:

- VND

- TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng:

- VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Số 11/18/199, đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Đơn vị tính: VND
<b>10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình</b>		
<b>Nguyên giá</b>		
<b>Số đầu năm</b>	<b>31.284.600</b>	<b>31.284.600</b>
- Mua trong năm		-
- Thanh lý, nhượng bán		-
- Giảm khác		-
<b>Số cuối năm</b>	<b>31.284.600</b>	<b>31.284.600</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>		
<b>Số đầu năm</b>	<b>31.284.600</b>	<b>31.284.600</b>
- Khấu hao trong năm		-
- Thanh lý nhượng bán		-
- Giảm khác		-
<b>Số cuối năm</b>	<b>31.284.600</b>	<b>31.284.600</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	-	-
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đang thế chấp:

- TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng:

- VND  
31.284.600 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Số 11/18/199, đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**11. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>156.601.280.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>156.601.280.000</b>	
Công ty CP BOT Cầu Thái Hà (1)	156.601.280.000	(*)		156.601.280.000	(*)

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của công ty tại ngày 31/12/2020 như sau:

Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP BOT Cầu Thái Hà	Thôn Phú Vật, Xã Tiến Đức, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Tiến Đức, Hưng Hà, Thái Bình	9,00%	9,00%	- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ - Xây dựng nhà các loại; - Hoàn thiện công trình xây dựng; - Lắp đặt máy móc, thiết bị; - Bán buôn sắt thép; - Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác; (Chi tiết: Thu lệ phí cầu đường).

(1) Khoản đầu tư phát sinh theo Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1301/2019/HDCNCP-PIV-CN ngày 13/1/2019 với bà Nguyễn Thị Lan Hương về việc chuyển nhượng 2.200.000 cổ phần của Công ty CP BOT cầu Thái Hà; giá trị chuyển nhượng là 74.800.000.000 đồng.  
Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1101/2019/HDCNCP-PIV-CN ngày 11/1/2019 với ông Ngô Tiến Cường về việc chuyển nhượng 1.750.000 cổ phần của Công ty CP BOT cầu Thái Hà; giá trị chuyển nhượng là 59.500.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong tháng 6 năm 2019, Công ty CP PIV thực hiện mua thêm 415.800 cổ phần của Công ty CP BOT cầu Thái Hà (mã BOT) theo hình thức giao dịch khớp lệnh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Số 11/18/199, đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**12. Vay và nợ thuế tài chính**

	Số cuối năm		Trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Số đầu năm
a. Ngắn hạn	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000	-	-	
Vay ngắn hạn	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000	-	-	
Ông Ngô Tiến Cường	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000	-	-	
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	

Thông tin bổ sung cho các khoản vay:

Khoản vay phát sinh theo Hợp đồng vay số 01/HĐVVT/PIV-NTC ngày 7/4/2020, giữa Công ty và Ông Ngô Tiến Cường.

- Số tiền vay: 24.000.000.000 VND

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

- Thời hạn vay: 12 tháng

- Lãi suất: 0%

- Số dư vay tại 31/12/2020: 24.000.000.000 VND

Giao dịch và số dư bên liên quan:

	Mối quan hệ	Số cuối năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số đầu năm
Ông Ngô Tiến Cường	Chủ tịch HĐQT Công ty CP BOT Thái Hà	24.000.000.000	24.000.000.000	-	-

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đơn vị tính: VND					
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
<b>a. Phải nộp</b>						
Thuế Giá trị gia tăng	-	904.229.290	-	-	-	904.229.290
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	4.814.547.979	-	-	-	4.814.547.979
Thuế Thu nhập cá nhân	-	48.446.202	-	-	-	48.446.202
Các loại thuế khác	-	879.359.272	-	-	-	879.359.272
Phí, lệ phí và các khoản phải	-	87.815.880	3.000.000	3.000.000	-	87.815.880
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>6.734.398.623</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>-</b>	<b>6.734.398.623</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

#### 14. Phải trả khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>175.721.238</b>	<b>115.166.989</b>
Kinh phí công đoàn	42.090.810	42.090.810
Bảo hiểm xã hội	71.535.813	28.512.825
Bảo hiểm y tế	12.623.967	5.031.675
Bảo hiểm thất nghiệp	5.610.652	2.236.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	43.859.996	37.295.379
<b>Cộng</b>	<b>175.721.238</b>	<b>115.166.989</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Số 11/18/199, đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**15. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>173.249.420.000</b>	<b>(261.600.000)</b>	<b>443.972.144</b>	<b>35.157.200</b>	<b>(15.221.987.499)</b>	<b>158.244.961.845</b>
- Tăng vốn trong năm trước						-
- Lãi trong năm trước						-
- Lỗ trong năm trước					(4.324.065.056)	(4.324.065.056)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>173.249.420.000</b>	<b>(261.600.000)</b>	<b>443.972.144</b>	<b>35.157.200</b>	<b>(19.546.052.555)</b>	<b>153.920.896.789</b>
- Tăng vốn trong năm nay						-
- Lãi trong năm nay						-
- Lỗ trong năm nay					(1.378.317.402)	(1.378.317.402)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>173.249.420.000</b>	<b>(261.600.000)</b>	<b>443.972.144</b>	<b>35.157.200</b>	<b>(20.924.369.957)</b>	<b>152.542.579.387</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Số 11/18/199, đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

<b>b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Bà Hoàng Thị Hoài	16.385.000.000	16.385.000.000
Các đối tượng khác	156.864.420.000	156.864.420.000
<b>Cộng</b>	<b>173.249.420.000</b>	<b>173.249.420.000</b>

  

<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	173.249.420.000	173.249.420.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	173.249.420.000	173.249.420.000

  

<b>d. Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.324.942	17.324.942
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.324.942	17.324.942
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.324.942	17.324.942
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.324.942	17.324.942
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.324.942	17.324.942

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

  

<b>f. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	443.972.144	443.972.144
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	35.157.200	35.157.200

  

<b>16. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
- USD	52,47	59,07

  

<b>17. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
- Lãi tiền gửi, cho vay	21.421	71.191
- Chênh lệch tỷ giá	247.210	
<b>Cộng</b>	<b>268.631</b>	<b>71.191</b>

  

<b>18. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
- Khác	-	6.690.384
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>6.690.384</b>

  

<b>19. Thu nhập khác</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
- Thu nhập khác	-	20.885
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>20.885</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Số 11/18/199, đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

20. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
- Khác	-	164.818.506
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>164.818.506</b>
21. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a. Chi phí bán hàng</b>	<b>-</b>	<b>(45.396.285)</b>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		(45.396.285)
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>1.378.586.033</b>	<b>4.198.044.527</b>
- Chi phí nguyên, vật liệu		
- Chi phí nhân công	262.227.596	563.492.172
- Chi phí khấu hao	778.457.854	834.351.898
- Phân bổ chi phí công cụ, dụng cụ		
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	14.554.901
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.162.201	88.973.826
- Chi phí khác bằng tiền	95.617.847	3.719.400
- Chi phí dự phòng	233.120.535	2.692.952.330
<b>Cộng</b>	<b>1.378.586.033</b>	<b>4.152.648.242</b>
22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	(1.378.317.402)	(4.324.065.056)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Lợi nhuận chịu thuế	(1.378.317.402)	(4.324.065.056)
<b>Thuế suất hiện hành</b>		
- Thuế suất hoạt động chịu thuế thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế TNDN phải nộp	-	-
23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(1.378.317.402)	(4.324.065.056)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.378.317.402)	(4.324.065.056)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	17.324.942	17.324.942
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(80)	(250)
24. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính		
Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này		

**25. Công cụ tài chính**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	413.237.342	-	1.552.269.160	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.518.506.266	(3.538.790.866)	3.681.983.866	(3.305.670.331)
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>28.931.743.608</b>	<b>(3.538.790.866)</b>	<b>5.234.253.026</b>	<b>(3.305.670.331)</b>

  

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	24.000.000.000	-
Phải trả người bán, phải trả khác	175.721.238	115.166.989
Chi phí phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>24.175.721.238</b>	<b>115.166.989</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	413.237.342			413.237.342
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.518.506.266	-		28.518.506.266
<b>Cộng</b>	<b>28.931.743.608</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>28.931.743.608</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.552.269.160			1.552.269.160
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.681.983.866	-		3.681.983.866
<b>Cộng</b>	<b>5.234.253.026</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.234.253.026</b>



**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	24.000.000.000	-	-	24.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả	175.721.238	-	-	175.721.238
<b>Cộng</b>	<b>24.175.721.238</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>24.175.721.238</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán, phải trả	115.166.989	-	-	115.166.989
Chi phí phải trả	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>115.166.989</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>115.166.989</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**26. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

<u>Chỉ tiêu</u>	Đơn vị tính: VND <u>Tổng</u>
Doanh thu thuần ra bên ngoài	-
Chi phí bộ phận	-
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	-
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>	<b>1.378.586.033</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.378.586.033)
Doanh thu hoạt động tài chính	268.631
Chi phí tài chính	-
Thu nhập khác	-
Chi phí khác	-
Thuế TNDN hiện hành	-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>(1.378.317.402)</b>

**27. Nghiệp vụ và các số dư Bên liên quan**

	Năm nay
	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc	60.326.875

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

**28. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Lê Thị Thanh Nga

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Trương Tuấn Anh